

CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI SẢN XUẤT NHÔM PHÚ THÀNH



SẢN PHẨM NHÔM THANH ĐỊNH HÌNH

# CATALOGUE



Nhôm kiến trúc, xây dựng

Nhôm công nghiệp, điện cơ

Nhôm nội thất, trang trí

Nhôm thuộc lĩnh vực y tế

Nhôm cho ngành điện tử





# NỘI DUNG

|                        |    |                      |    |
|------------------------|----|----------------------|----|
| THƯ NGỎ                | 03 |                      |    |
| VỀ CHÚNG TÔI           | 04 | DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT  | 12 |
| VĂN HÓA DOANH NGHIỆP   | 05 | MÁY MÓC THIẾT BỊ     | 14 |
| CHỨNG CHỈ - CHỨNG NHẬN | 08 | SẢN PHẨM             | 16 |
| NHÀ MÁY SẢN XUẤT       | 10 | ĐỐI TÁC & KHÁCH HÀNG | 48 |
|                        |    | DỰ ÁN TIÊU BIỂU      | 50 |



**PHÁT TRIỂN BỀN VỮNG CÙNG  
NGÀNH CÔNG NGHIỆP VIỆT**

## THƯ NGỎ

**Trước hết, Công ty TNHH TM SX NHÔM PHÚ THÀNH xin chân thành cảm ơn Quý khách hàng đã quan tâm đến sản phẩm nhôm của Công ty chúng tôi.**

Sau hơn 10 năm hoạt động, với mục tiêu mang lại sự hài lòng tuyệt đối cho khách hàng. Công ty chúng tôi mong muốn đưa ra nhiều sản phẩm mới, chất lượng, mẫu mã đẹp, giá thành cạnh tranh mà vẫn đáp ứng được nhu cầu đa dạng và phong phú ở nhiều cấp độ cho người tiêu dùng trên thị trường Việt Nam.

Chúng tôi xin gửi tới Quý khách những sản phẩm mà công ty chúng tôi đang kinh doanh như sau:

- Sản phẩm nhôm kiến trúc xây dựng và trang trí nội thất: Cửa đi, cửa sổ mở quay, cửa bật, cửa lưới chống côn trùng, vách ngăn, mặt dựng, tủ âm tường, lan can...
- Sản phẩm nhôm công nghiệp, điện cơ các loại.
- Sản phẩm nhôm về bàn ghế
- Sản phẩm nhôm thuộc lĩnh vực y tế
- Sản phẩm nhôm phục vụ cho ngành điện tử

Ngoài ra chúng tôi cũng sản xuất những mẫu mã đa dạng theo yêu cầu riêng của khách hàng.

Một lần nữa, Công ty chúng tôi xin chân thành cảm ơn và rất hân hạnh được phục vụ Quý khách. Để biết thêm thông tin chi tiết về sản phẩm của Công ty chúng tôi, xin vui lòng liên hệ theo địa chỉ của Công ty.

**Trân trọng kính chào!**





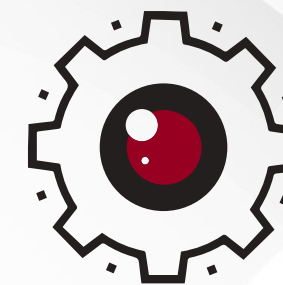
## VỀ CHÚNG TÔI



Công ty Nhôm Phú Thành là một trong những doanh nghiệp trong lĩnh vực sản xuất và cung cấp các sản phẩm nhôm chất lượng tại Việt Nam. Với kinh nghiệm hơn thập kỷ hoạt động trong ngành, công ty chúng tôi đã xây dựng được thương hiệu đáng tin cậy bởi khách hàng và đối tác trên toàn quốc.

Công ty Nhôm Phú Thành chuyên cung cấp các sản phẩm nhôm đa dạng như tấm nhôm, thanh nhôm, hình nhôm, ống nhôm, dụng cụ nhôm và các sản phẩm gia công nhôm theo yêu cầu khách hàng. Sản phẩm của chúng tôi được sản xuất từ nguyên liệu nhôm nguyên chất nhập khẩu và được sản xuất trên các dây chuyền công nghệ hiện đại, đảm bảo chất lượng và độ bền.

## NHÀ SẢN XUẤT - CHẾ TẠO SẢN PHẨM NHÔM CHẤT LƯỢNG



## Tầm nhìn

Trở thành Công ty cung cấp Giải pháp trọn gói về mặt dựng nhôm kính và cửa, sản xuất river bầm Việt Nam và các nước khu vực.



## Sứ mệnh

Với sứ mệnh mang lại những công trình đẳng cấp, Nhôm Phú Thành cam kết cung cấp những sản phẩm nhôm chất lượng, an toàn, tiện nghi và thân thiện với môi trường.





# VĂN HÓA DOANH NGHIỆP

**Nhôm Phú Thành** luôn mang đến cho khách hàng những sản phẩm chất lượng, đảm bảo tiêu chuẩn an toàn và bền đẹp. Với đội ngũ nhân viên tâm huyết, chuyên nghiệp và giàu kinh nghiệm, cùng với sự đầu tư vào các thiết bị và công nghệ tiên tiến, **công ty Nhôm Phú Thành** tự tin là đối tác tin cậy của khách hàng trong việc cung cấp các sản phẩm nhôm chất lượng và dịch vụ tốt nhất.



## TÔN TRỌNG VÀ ĐẶT KHÁCH HÀNG LÊN HÀNG ĐẦU

Công ty Nhôm Phú Thành luôn đặt khách hàng lên hàng đầu, tôn trọng ý kiến của khách hàng và đảm bảo sự hài lòng của khách hàng bằng cách cung cấp sản phẩm và dịch vụ chất lượng.



## TẬN TÂM VÀ TRÁCH NHIỆM

Công ty luôn đặt lợi ích của khách hàng làm mục tiêu phấn đấu và đáp ứng mọi nhu cầu của khách hàng một cách tận tâm và trách nhiệm.



## TRUNG THỰC VÀ MINH BẠCH

Công ty luôn đặt trung thực và minh bạch làm kim chỉ nam trong mọi hoạt động kinh doanh để xây dựng sự tin tưởng và thân thiện với khách hàng.



## SÁNG TẠO VÀ ĐỔI MỚI

Công ty Nhôm Phú Thành không ngừng tìm kiếm cách sáng tạo, đổi mới để cải tiến sản phẩm và dịch vụ của mình, đồng thời đáp ứng nhu cầu của khách hàng và thị trường.

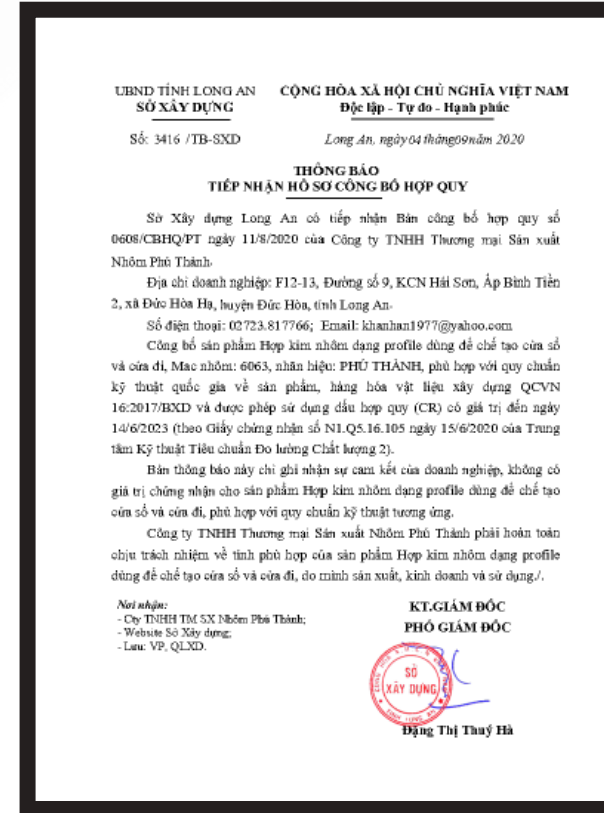




# CHỨNG CHỈ - CHỨNG NHẬN



## Giấy chứng nhận HCHQ



## Công Bố Hợp Quy -

## Sở Xây Dựng

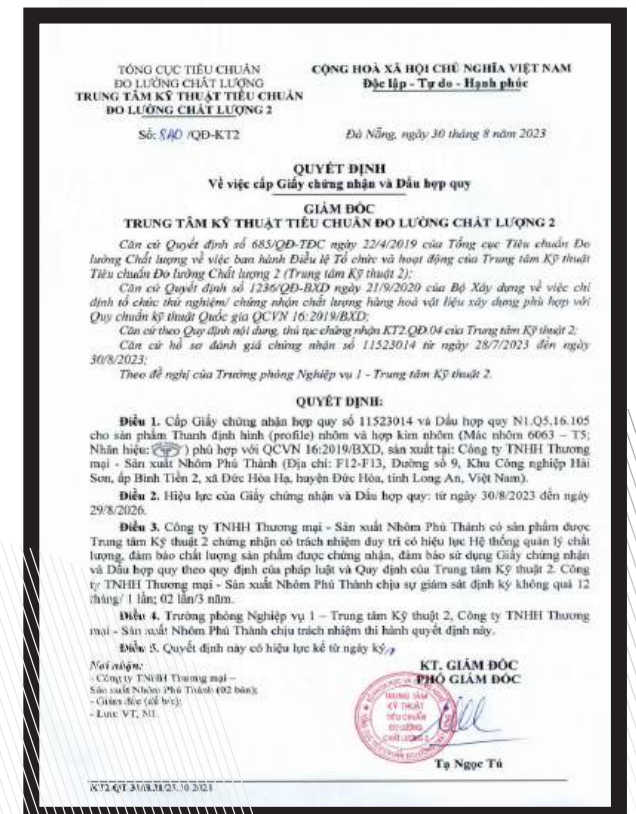
## Chứng Nhận ISO 9001:2015



## Quyết định

## Giấy chứng nhận và

## Dấu Hợp Quy







## NHÀ MÁY SẢN XUẤT

////////////////////

Với quy trình sản xuất nghiêm ngặt trên dây chuyền khép kín, kết hợp sử dụng nguồn nguyên liệu nhập khẩu đạt chuẩn, sản phẩm nhôm Phú Thành luôn đáp ứng các tiêu chí khắt khe của ngành xây dựng.

**NĂNG SUẤT THEO  
NĂM**



**15.000** Tấn

**CÁN BỘ NHÂN SỰ**



**300** Nhân sự

**KHÁCH HÀNG**



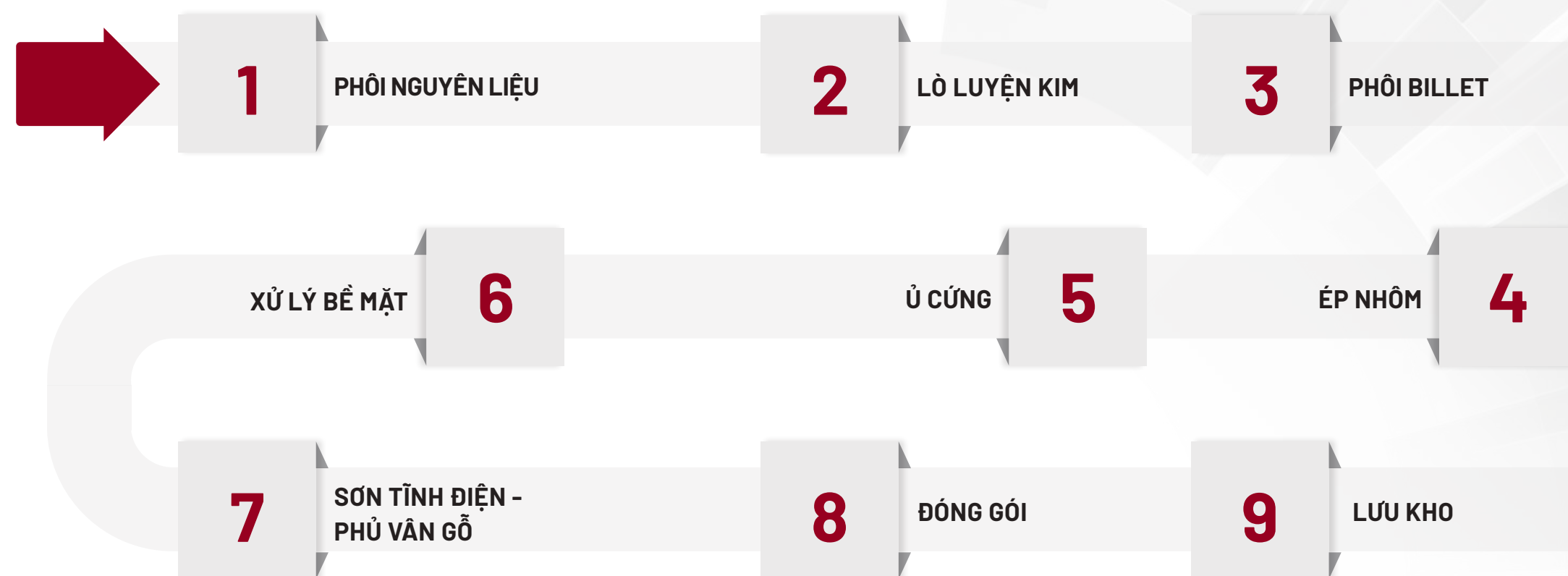
**150**

## DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT TẠI NHÀ MÁY





## DÂY CHUYỀN SẢN XUẤT



1



2



3



4



5



6



7



8



9





## MÁY MÓC THIẾT BỊ

LÒ LUYỆN KIM



LÒ GIA NHIỆT



LÒ HÓA GIÀ



DÂY CHUYỂN SƠN TĨNH ĐIỆN



MÁY ÉP



MÁY LÀM ĐỊNH RIVE NHÔM



MÁY DÁN NHÃN



MÁY CẮT KEO



Tại nhà máy Nhôm Phú Thành, chúng tôi không chỉ quan tâm đến chất lượng sản phẩm đầu ra mà còn tập trung đào tạo nhân lực vận hành máy móc gia công sản xuất, sao cho đáp ứng chuỗi hàng cung ứng đủ số lượng, đúng kỹ thuật, hợp quy cách mà khách hàng đã yêu cầu.

Chưa dừng lại ở đó, mỗi khâu gia công sản xuất, chúng tôi đều tiến hành kiểm tra về độ cứng, độ chính xác trên từng thanh nhôm để đưa ra các sản phẩm hoàn chỉnh đạt chuẩn, góp phần hình thành nên những công trình, hoàn mỹ, thân thiện với môi trường.

# 100%

**TẠI NHÔM PHÚ THÀNH, CHÚNG TÔI CUNG CẤP ĐẾN QUÝ KHÁCH HÀNG DỊCH VỤ GIA CÔNG - SẢN XUẤT HOÀN THIỆN, CHO RA ĐỜI NHỮNG THANH NHÔM ĐỊNH HÌNH CHUẨN CHẤT LƯỢNG, CHUẨN KẾT CẤU!**



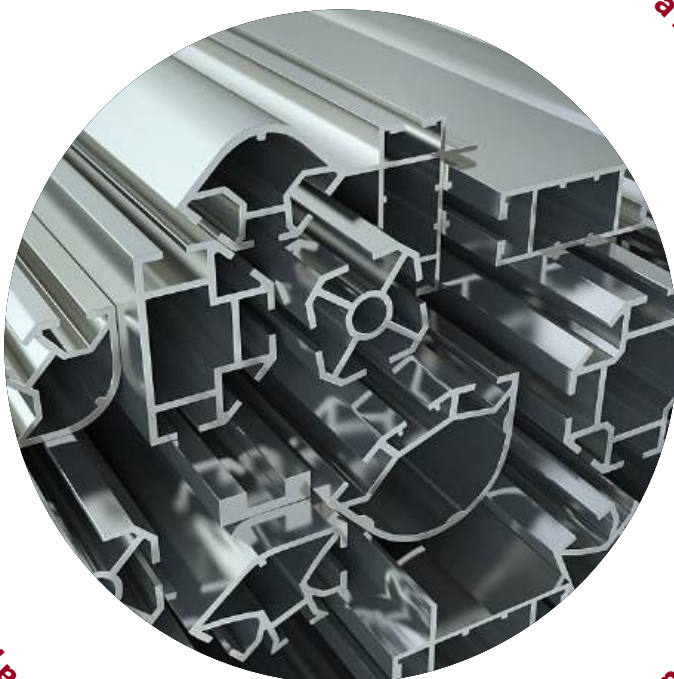


## SẢN PHẨM

NHÔM PHÚ THÀNH

**CHẤT LƯỢNG  
TẠO NIỀM TIN**

Nhà cung cấp các sản phẩm NHÔM HOÀN CHỈNH từ khâu thiết kế, sản xuất, vận chuyển lắp đặt hoàn thiện tại công trình



### NHÔM KIẾN TRÚC, XÂY DỰNG VÀ TRANG TRÍ

Cửa đi, cửa sổ mở quay, cửa bật, cửa lưới chống côn trùng, vách ngăn, mặt dựng, tủ âm tường, lan can...



### NHÔM CÔNG NGHIỆP, ĐIỆN CƠ CÁC LOẠI



### NHÔM NỘI THẤT



### NHÔM THUỘC LĨNH VỰC Y TẾ



### NHÔM PHỤC VỤ CHO NGÀNH ĐIỆN, ĐIỆN TỬ



# CỬA ĐI PT-XF55 2.0MM



Thiết kế hiện đại và tinh tế của hệ XF55 giúp tối ưu hóa diện tích kính, tạo cảm giác thoáng đãng và rộng rãi cho không gian. Độ dày của nhôm từ 1.4mm đến 2.0mm đảm bảo khả năng chịu lực tốt, kết hợp với kính cường lực hoặc kính hộp cách âm cách nhiệt, tăng cường tính năng an toàn và cách âm, cách nhiệt.

## Thông số kỹ thuật

|                    |                     |
|--------------------|---------------------|
| Độ dày trung bình  | <b>1.0 - 2.0 mm</b> |
| Bề rộng khung nhôm | <b>55 mm</b>        |
| Kính sử dụng       | <b>5~24 mm</b>      |

## Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 8\%$
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 10\%$

## Màu sắc

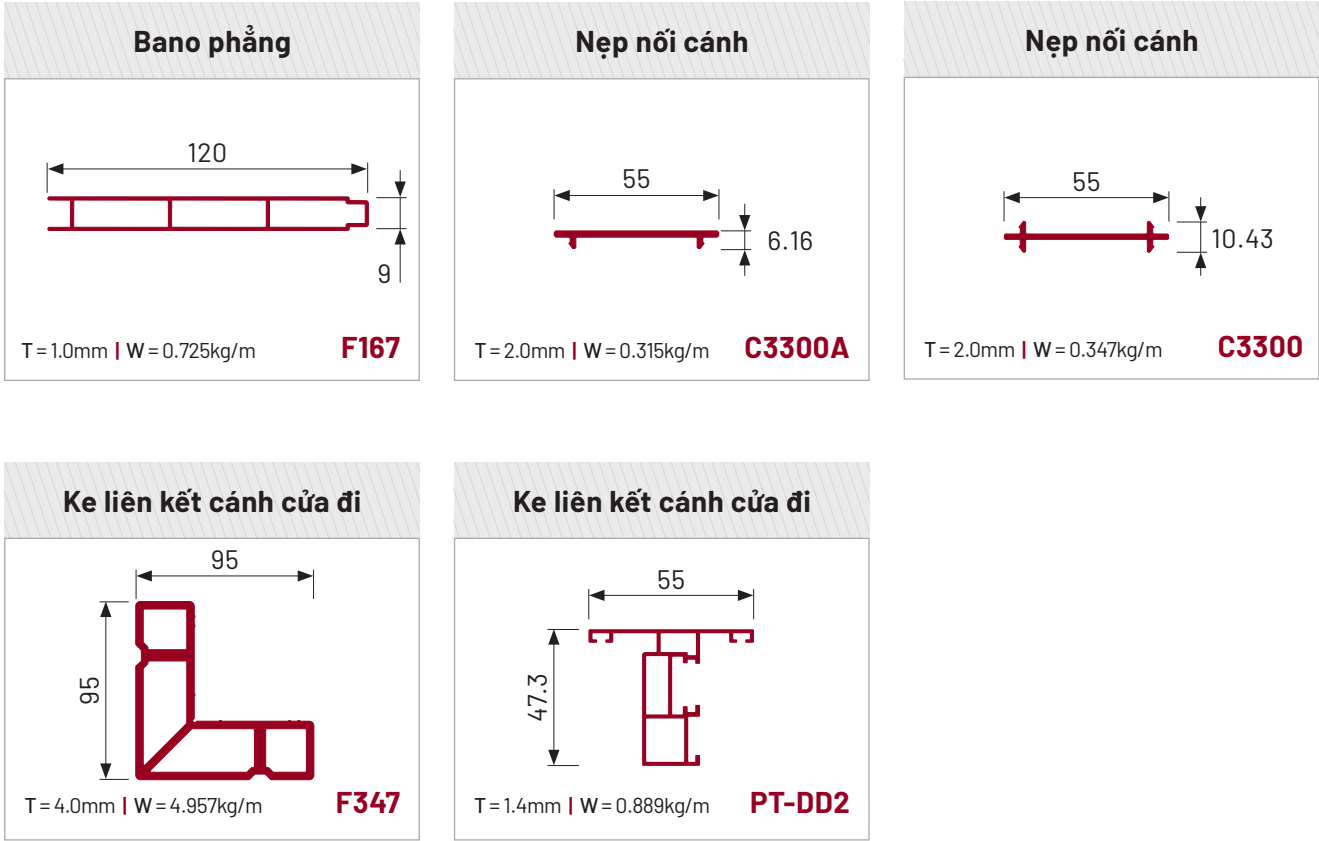


## Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

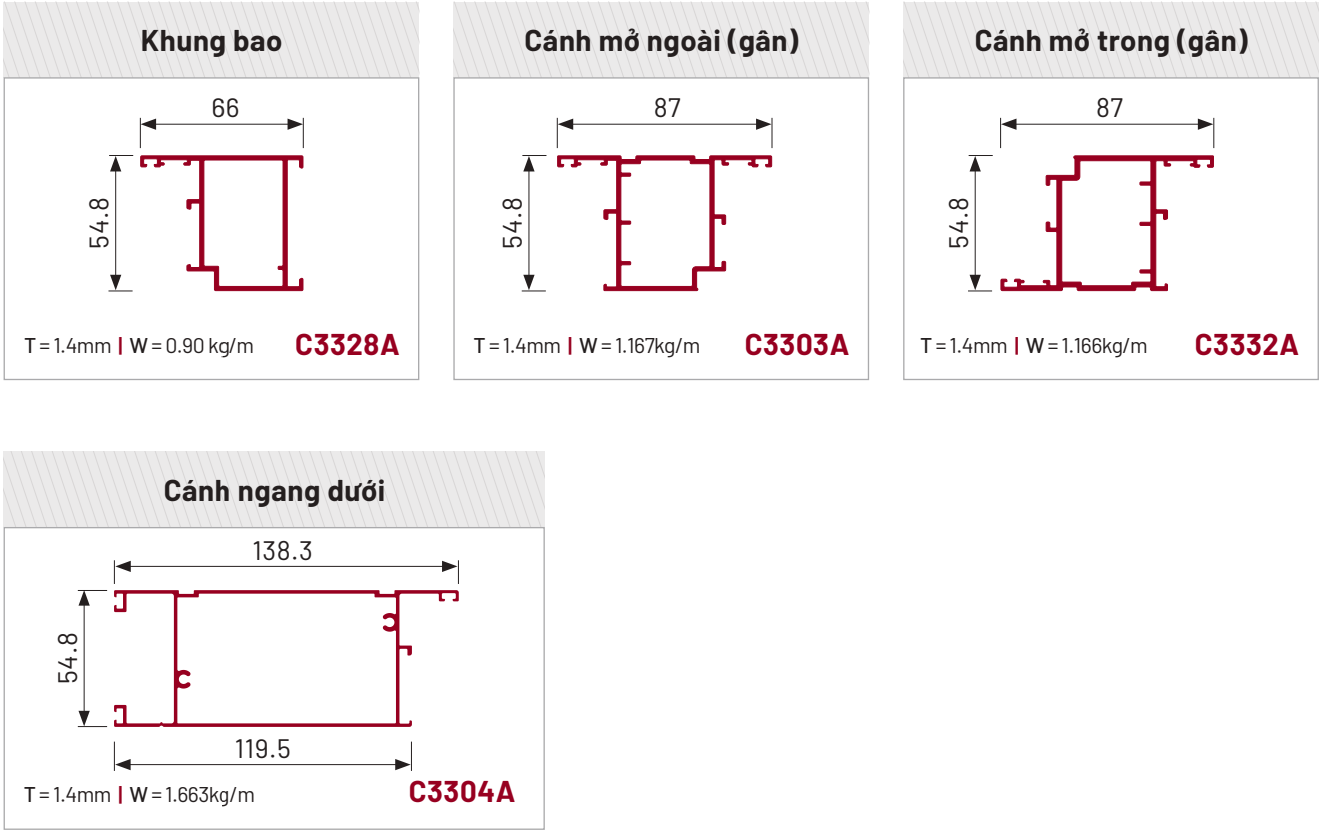
|                                                                                 |                                                                                   |                                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Khung bao</b><br><br>T = 1.7-1.85mm   W = 1.130 kg/m <b>C3328</b>            | <b>Cánh mở ngoài (gân)</b><br><br>T = 1.7-1.85mm   W = 1.320kg/m <b>C3303</b>     | <b>Cánh mở trong (gân)</b><br><br>T = 1.7-1.85mm   W = 1.330kg/m <b>C3332</b> |
| <b>Khung bao</b><br><br>T = 2.0mm   W = 1.226kg/m <b>C3328 T2.0</b>             | <b>Cánh mở ngoài (gân)</b><br><br>T = 2.0mm   W = 1.441kg/m <b>C3303 T2.0</b>     | <b>Cánh mở trong (gân)</b><br><br>T = 2.0mm   W = 1.442kg/m <b>C3332 T2.0</b> |
| <b>Đổ cánh động (dùng chung)</b><br><br>T = 1.4mm   W = 0.891kg/m <b>C3323A</b> | <b>Nẹp lọc bụi cánh ngang dưới</b><br><br>T = 1.5mm   W = 0.485kg/m <b>C3329A</b> | <b>Nẹp kính vuông 5-10mm</b><br><br>T = 1.0mm   W = 0.271kg/m <b>C3295</b>    |
| <b>Nẹp kính</b><br><br>T = 1.0mm   W = 0.237kg/m <b>C3296</b>                   | <b>Nẹp kính hộp</b><br><br>T = 1.0mm   W = 0.227kg/m <b>C3236</b>                 | <b>Bano có rãnh</b><br><br>T = 1.0mm   W = 0.664kg/m <b>F077</b>              |



# CỬA ĐI PT-XF55 1.4MM



Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt





# CỬA SỔ MỞ QUAY PT-XF55



Được sản xuất từ nhôm nguyên liệu nhập khẩu Australia, hệ XF55 không chỉ bền bỉ, chắc chắn mà còn có tính thẩm mỹ cao. Với thiết kế tinh tế và hiện đại, cửa sổ hệ XF55 mang lại sự thông thoáng và ánh sáng tự nhiên cho không gian sống. Đặc biệt, sản phẩm còn có khả năng cách âm, cách nhiệt tốt, giúp tiết kiệm năng lượng và tạo môi trường sống thoải mái cho người sử dụng.

## Thông số kỹ thuật

|                    |                     |
|--------------------|---------------------|
| Độ dày trung bình  | <b>1.2 - 1.4 mm</b> |
| Bề rộng khung nhôm | <b>55 mm</b>        |
| Kính sử dụng       | <b>5~24 mm</b>      |

## Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 8\%$
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 10\%$

## Màu sắc



## Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                                              |                                                                            |                                                                                  |
|------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Khung bao</b><br><br>T = 1.4mm   W = 0.876kg/m <b>C3318</b>               | <b>Khung bao vách kính</b><br><br>T = 1.4mm   W = 0.802kg/m <b>C3209</b>   | <b>Đố chữ T tách khung</b><br><br>T = 1.4mm   W = 1.033kg/m <b>C3313</b>         |
| <b>Đố chữ T, có lỗ vít</b><br><br>T = 1.4mm   W = 0.919kg/m <b>C5507</b>     | <b>Cánh cửa sổ</b><br><br>T = 1.4mm   W = 1.06kg/m <b>C8092</b>            | <b>Đố T cố định có lỗ vít</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.845kg/m <b>C3203</b>      |
| <b>Thanh khóa truyền động</b><br><br>T = 2.5mm   W = 0.139kg/m <b>C459</b>   | <b>Ke liên kết cánh cửa sổ</b><br><br>T = 3.0   W = 2.436kg/m <b>C1697</b> | <b>Ke liên kết nẹp chuyển hướng</b><br><br>T = 8.7mm   W = 1.409kg/m <b>C107</b> |
| <b>Khung bao lá sách hệ 55</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.306kg/m <b>E1283</b> | <b>Lá sách hệ 55</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.317 kg/m <b>E192</b>         |                                                                                  |



# CỬA SỔ LÙA PT-XF55



Với thiết kế thông minh, hệ cửa này không chỉ tối ưu không gian sử dụng mà còn đảm bảo tính thẩm mỹ cao. Hệ cửa lùa PT-XF55 được làm từ hợp kim nhôm chất lượng cao, có độ bền vượt trội và khả năng chống chịu thời tiết tốt. Khung cửa chắc chắn và các thanh nhôm được gia cố giúp tăng cường độ an toàn cho ngôi nhà.

## Thông số kỹ thuật

|                    |                     |
|--------------------|---------------------|
| Độ dày trung bình  | <b>1.2 - 1.4 mm</b> |
| Bề rộng khung nhôm | <b>55 mm</b>        |
| Kính sử dụng       | <b>5~20 mm</b>      |

## Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 8\%$
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 10\%$

## Màu sắc



## Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                                            |                                                                        |                                                                   |
|----------------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------|
| <b>Đố cánh</b><br><br>T = 1.4mm<br>W = 0.894kg/m<br><b>D20526T1.4</b>      | <b>Khung bao</b><br><br>T = 1.4mm<br>W = 0.90kg/m<br><b>D20532T1.4</b> | <b>Nẹp móc</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.360kg/m<br><b>D20527A</b> |
| <b>Trung gian 4 cánh</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.358kg/m<br><b>D20528</b> | <b>Khe chặn</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.214kg/m<br><b>D23159</b>      | <b>Đố cánh</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.803kg/m<br><b>D20526</b>  |
| <b>Khung bao</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.839kg/m<br><b>D20532</b>         |                                                                        |                                                                   |



# CỬA ĐI VÀ CỬA SỔ VÁT CẠNH



Với công nghệ sản xuất tiên tiến và nguyên liệu nhôm nhập khẩu cao cấp, các sản phẩm này không chỉ mang lại vẻ đẹp sang trọng cho ngôi nhà mà còn đảm bảo độ bền vững, khả năng chịu lực tốt và cách âm, cách nhiệt hiệu quả. Đặc biệt, thiết kế vát cạnh độc đáo giúp tăng thêm sự hiện đại và thẩm mỹ cho không gian sống, tạo nên điểm nhấn khác biệt so với các loại cửa truyền thống.

## Thông số kỹ thuật

|                    |                     |
|--------------------|---------------------|
| Độ dày trung bình  | <b>1.0 - 1.2 mm</b> |
| Bề rộng khung nhôm | <b>55 mm</b>        |
| Kính sử dụng       | <b>5~12 mm</b>      |

## Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 8\%$
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 10\%$

## Màu sắc



## Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                                                          |                                                                                     |                                                                                            |
|------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------|
| <b>Cánh cửa đi vát cạnh lệch</b><br><br>T = 1.0-1.2mm<br>W = 0.820kg/m<br><b>C40912L</b> | <b>Khung bao cửa đi</b><br><br>T = 1.0-1.1mm<br>W = 0.759kg/m<br><b>C40988</b>      | <b>Nẹp kính</b><br><br>T = 1.0-1.1mm<br>W = 0.221 kg/m<br><b>C40979</b>                    |
| <b>Đế cố định vát cạnh lệch</b><br><br>T = 1.0-1.1mm<br>W = 0.822kg/m<br><b>C40984</b>   | <b>Đế động cửa đi/cửa sổ</b><br><br>T = 1.0-1.1mm<br>W = 0.678kg/m<br><b>C40869</b> | <b>Đế cố định chia cánh cửa sổ</b><br><br>T = 1.0-1.1mm<br>W = 0.831 kg/m<br><b>C40973</b> |
| <b>Cánh cửa sổ vát cạnh lệch</b><br><br>T = 1.0-1.1mm<br>W = 0.826kg/m<br><b>C40902</b>  |                                                                                     |                                                                                            |



## HỆ MẶT DỰNG PT-XF65



Hệ mặt dựng XF65 là một giải pháp tiên tiến trong lĩnh vực xây dựng, sử dụng nguyên liệu nhôm chất lượng để tạo ra các mặt dựng kiên cố. Hệ mặt dựng XF65 nổi bật với nhiều ưu điểm kỹ thuật đáng chú ý, mang lại sự tin cậy và hiệu quả cao cho các công trình xây dựng. Nhôm có độ cứng và độ bền cao, đảm bảo khả năng chịu lực tốt và chống lại các tác động mạnh từ môi trường bên ngoài.

### Thông số kỹ thuật

|                    |                     |
|--------------------|---------------------|
| Độ dày trung bình  | <b>1.3 - 2.4 mm</b> |
| Bề rộng khung nhôm | <b>65 mm</b>        |
| Kính sử dụng       | <b>5~38 mm</b>      |

### Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 8\%$
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 10\%$

### Màu sắc



### Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                                   |                                                                        |                                                                         |
|-------------------------------------------------------------------|------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------|
| <b>Thanh đứng</b><br><br>T = 2.35mm   W = 2.540kg/m <b>XF651</b>  | <b>Ngang nhỏ</b><br><br>T = 2.35mm   W = 1.960kg/m <b>XF652</b>        | <br>T = 2.35mm   W = 2.331kg/m <b>XF651A</b>                            |
| <br>T = 2.35mm   W = 1.748kg/m <b>XF652A</b>                      | <b>Nắp đáy khung nổi</b><br><br>T = 1.3mm   W = 0.472kg/m <b>XF653</b> | <b>Nẹp nhôm khung nổi</b><br><br>T = 2.3mm   W = 0.554kg/m <b>XF654</b> |
| <b>Pat liên kết</b><br><br>T = 3.5mm   W = 1.420kg/m <b>XF657</b> | <b>Pat liên kết</b><br><br>T = 1.3mm   W = 0.703kg/m <b>AHM-001</b>    | <b>Pat liên kết</b><br><br>T = 1.3mm   W = 0.873kg/m <b>AHM-002</b>     |



# HỆ CỬA LÙA CLASS A



Với thiết kế thông minh, hệ cửa này không chỉ giúp tiết kiệm không gian mà còn tạo cảm giác mở rộng, thông thoáng cho các căn phòng. Vật liệu chế tạo cao cấp cùng với công nghệ tiên tiến đảm bảo độ bền và an toàn tuyệt đối. Hệ cửa lùa Class A còn dễ dàng trong việc lắp đặt và bảo trì, đáp ứng mọi nhu cầu sử dụng cho nhiều không gian.

## Thông số kỹ thuật

|                    |                |
|--------------------|----------------|
| Độ dày trung bình  | <b>1.2 mm</b>  |
| Bề rộng khung nhôm | <b>72 mm</b>   |
| Kính sử dụng       | <b>5~20 mm</b> |

## Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 8\%$
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 10\%$

## Màu sắc



## Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                                                       |                                                                                        |                                                               |
|---------------------------------------------------------------------------------------|----------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------|
| <b>Khung bao</b><br><br>T = 1.2mm   W = 1.186kg/m <b>D69972</b>                       | <b>Cánh cửa lùa</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.809kg/m <b>D67136</b>                     | <b>Nẹp</b><br><br>T = 0.8mm   W = 0.155kg/m <b>D86325</b>     |
| <b>Nẹp móc</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.416kg/m <b>D66967</b>                         | <b>Ray - trung gian</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.363kg/m <b>D66828</b>                 | <b>Nẹp</b><br><br>T = 1.5-4.5mm   W = 0.124kg/m <b>D65280</b> |
| <b>Khung bao cửa sổ và cửa đi lùa</b><br><br>T = 1.2mm   W = 0.927kg/m <b>D71691A</b> | <b>Khung bao ngang dưới cửa đi lùa</b><br><br>T = 1.3mm   W = 0.696kg/m <b>PT9521A</b> | <b>Nẹp</b><br><br>T = 1.0mm   W = 0.219kg/m <b>C112775</b>    |
| <b>Chắn nước</b><br><br>T = 1mm   W = 0.193kg/m <b>D64290</b>                         |                                                                                        |                                                               |



## CỬA ĐI BÀN TO PT-XF100 VÀ GHÉP PHÀO 200



Hệ cửa đi bàn 100 là một hệ thống cửa nhôm cao cấp được sử dụng rộng rãi trong ngành xây dựng hiện nay. Với thiết kế bản rộng 100mm, sản phẩm được sản xuất từ nhôm chất lượng cao, kết hợp với công nghệ sơn tĩnh điện, giúp chống chịu tốt với thời tiết khắc nghiệt, không bị ăn mòn hay phai màu theo thời gian.

### Thông số kỹ thuật

|                    |                     |
|--------------------|---------------------|
| Độ dày trung bình  | <b>1.0 - 2.0 mm</b> |
| Bề rộng khung nhôm | <b>100 ~200 mm</b>  |
| Kính sử dụng       | <b>5~24 mm</b>      |

### Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 8\%$
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 10\%$

### Màu sắc



### Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                     |                                         |                                         |
|-------------------------------------|-----------------------------------------|-----------------------------------------|
| <b>Khung bao cửa đi bàn 100</b><br> | <b>Khung bao vách 100</b><br>           | <b>Khung bao cửa sổ 100</b><br>         |
| <b>Nối khung 90° (Bo cạnh)</b><br>  | <b>Cánh cửa đi mở ngoài bản 150</b><br> | <b>Cánh cửa đi mở trong bản 150</b><br> |
| <b>Khung nổi tường 200</b><br>      | <b>Nẹp che khung bao 100</b><br>        | <b>Ghép phào</b><br>                    |



# CỬA SỔ LÙA HỆ 500



Nhôm định hình cửa nhà máy Nhôm Phú Thành được sản xuất trên các dây chuyền công nghệ hiện đại, với quy trình sản xuất được kiểm soát chặt chẽ từng bước, đảm bảo chất lượng sản phẩm đáp ứng được các tiêu chuẩn quốc tế. Sản phẩm có nhiều kích thước và hình dạng khác nhau để phù hợp với nhu cầu sử dụng của khách hàng.

## Thông số kỹ thuật

Độ dày trung bình **0.8 mm**

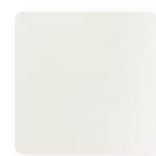
Bề rộng khung nhôm **72.8 mm**

Kính sử dụng **5~12 mm**

## Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 8\%$
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 10\%$

## Màu sắc



Trắng



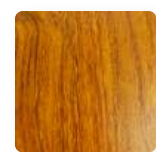
Xám



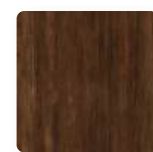
Đen



Nâu Pháp



Vân gỗ



Vân gỗ sần



Vân gỗ đỏ



Vân gỗ nhợt

## Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                             |                                             |                                             |
|---------------------------------------------|---------------------------------------------|---------------------------------------------|
| <b>Máng trên</b><br><br><b>PT5051</b>       | <b>Máng dưới</b><br><br><b>PT5052</b>       | <b>Đứng khung bao</b><br><br><b>PT5053</b>  |
| <b>Ngang cánh trên</b><br><br><b>PT5054</b> | <b>Ngang cánh dưới</b><br><br><b>PT5055</b> | <b>Đứng cánh móc</b><br><br><b>PT5056</b>   |
| <b>Đứng cánh trơn</b><br><br><b>PT5057</b>  | <b>Ghép máng</b><br><br><b>PT5058</b>       | <b>Trung gian cánh</b><br><br><b>PT5126</b> |



## CỬA ĐI HỆ 700 - 1000



Tại nhà máy Nhôm Phú Thành, các sản phẩm cửa đi hệ 700 và 1000 được thiết kế với chất lượng vượt trội và tính năng tối ưu. Cửa đi hệ 700 là sự lựa chọn lý tưởng cho các công trình cần sự kết hợp giữa tính thẩm mỹ và khả năng cách âm, cách nhiệt tốt. Với thiết kế thanh nhôm chắc chắn và các phụ kiện cao cấp, cửa hệ 700 - 1000 mang lại sự bền bỉ và an toàn cho người sử dụng.

### Thông số kỹ thuật

|                    |                     |
|--------------------|---------------------|
| Độ dày trung bình  | <b>0.8 - 1.1 mm</b> |
| Bề rộng khung nhôm | <b>70 mm</b>        |
| Kính sử dụng       | <b>5~12 mm</b>      |

### Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 8\%$
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 10\%$

### Màu sắc



### Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                       |                                                        |                                                              |
|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------|
| <b>Đứng khung bao</b><br><br>T = 0.9 mm <b>PT7002</b> | <b>Ngang giữa</b><br><br>T = 0.8 mm <b>PT7005</b>      | <b>Ngang cánh trên/ dưới</b><br><br>T = 0.9 mm <b>PT7051</b> |
| <b>Đứng cánh trơn</b><br><br>T = 0.9 mm <b>PT7052</b> | <b>Đứng cánh gờ</b><br><br>T = 0.9 mm <b>PT7053</b>    | <b>Đố ngang cánh giữa</b><br><br>T = 0.9 mm <b>PT7054</b>    |
| <b>Đứng cánh gờ</b><br><br>T = 1.1 mm <b>PT-S087</b>  | <b>Đứng cánh trơn</b><br><br>T = 1.1 mm <b>PT-S088</b> | <b>Khung bao</b><br><br>T = 1.1 mm <b>PT-DK008</b>           |
| <b>Lá hộp</b><br><br><b>PT4332</b>                    | <b>Lá hộp phẳng</b><br><br><b>M4333</b>                |                                                              |



# VÁCH NGĂN HỆ 700 & 1000



Vách ngăn hệ 700 và 1000 của Nhôm Phú Thành là giải pháp tối ưu cho không gian nội thất hiện đại, đáp ứng nhu cầu phân chia không gian một cách hiệu quả và linh hoạt. Với thiết kế chắc chắn và sang trọng, các vách ngăn này không chỉ tạo ra sự phân chia rõ ràng giữa các khu vực mà còn góp phần nâng cao tính thẩm mỹ cho môi trường sống và làm việc.

## Thông số kỹ thuật

Độ dày trung bình **0.8 - 1.1 mm**

Bề rộng khung nhôm **100 mm**

Kính sử dụng **5~12 mm**

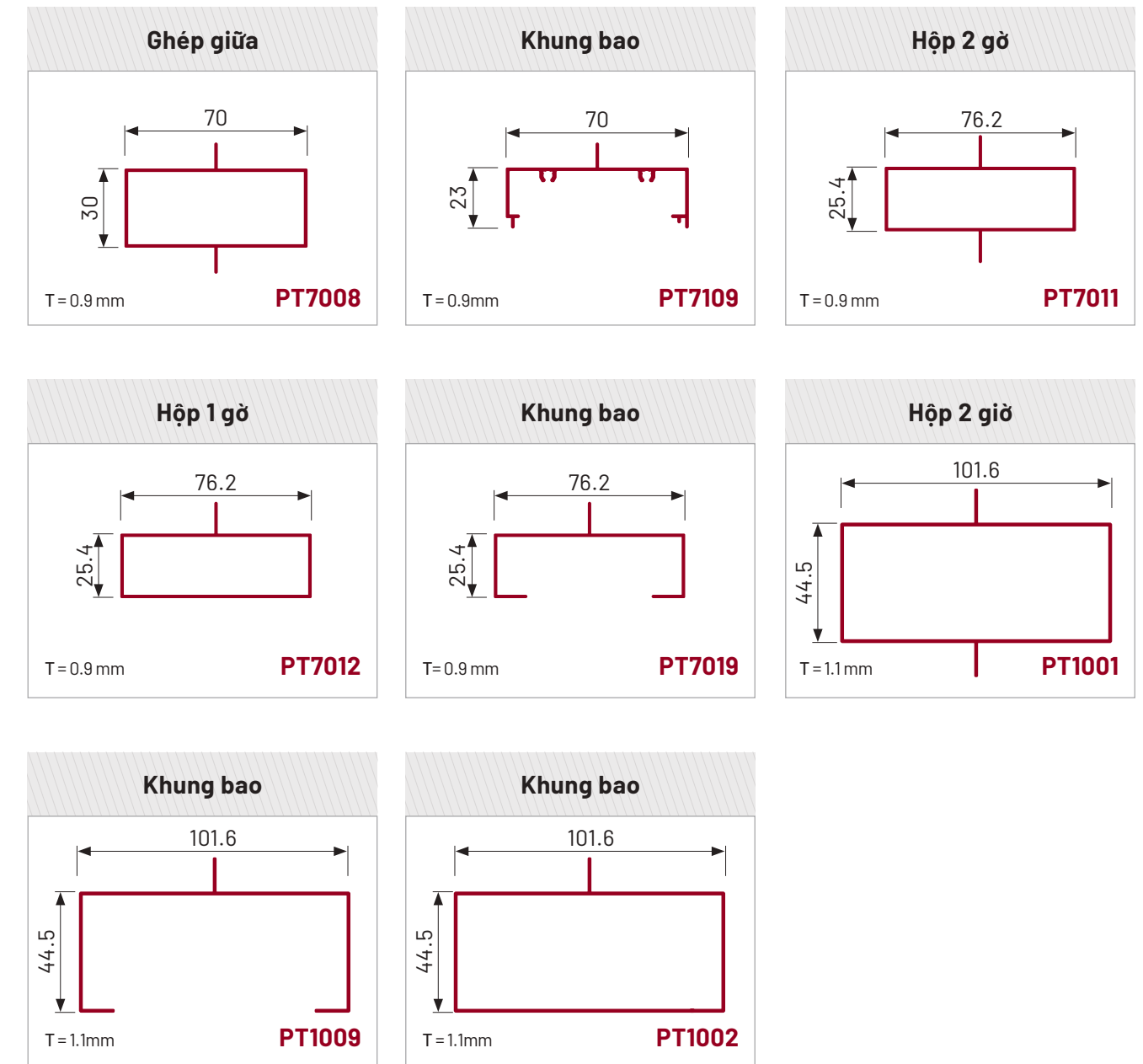
## Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 8\%$
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép  $\pm 10\%$

## Màu sắc



## Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt





# CỬA ĐI LÙA 76



Cơ chế lùa của cửa giúp tiết kiệm không gian, lý tưởng cho các khu vực có diện tích hạn chế. Sản phẩm được trang bị các lớp cách âm và cách nhiệt, duy trì sự yên tĩnh và ổn định nhiệt độ trong phòng. Được thiết kế linh hoạt với nhiều kích thước và kiểu dáng, cửa lùa hệ 76 phù hợp với đa dạng nhu cầu và sở thích.

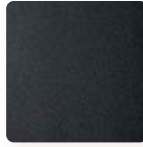
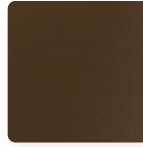
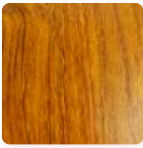
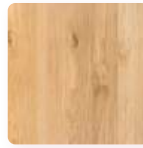
## Thông số kỹ thuật

|                    |         |
|--------------------|---------|
| Độ dày trung bình  | 1.0 mm  |
| Bề rộng khung nhôm | 38 mm   |
| Kính sử dụng       | 5~12 mm |

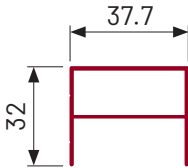
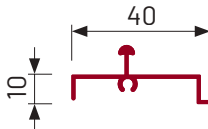
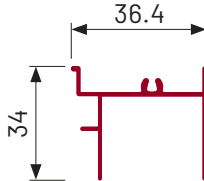
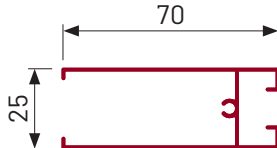
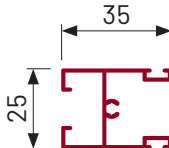
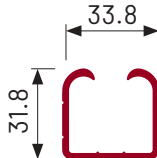
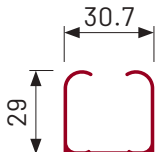
## Ghi chú

- Nhôm hệ: Dung sai sản xuất cho phép ±8%
- Nhôm thông dụng: Dung sai sản xuất cho phép ±10%

## Màu sắc

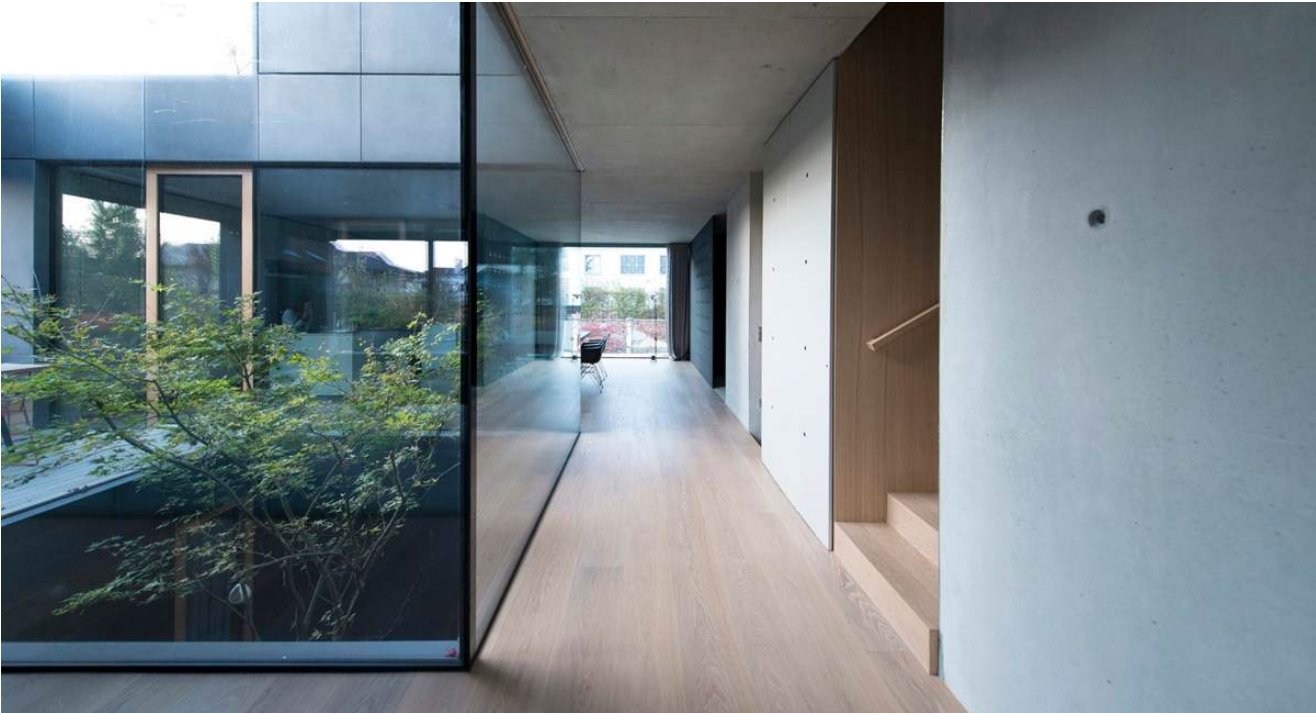
|                                                                                     |                                                                                     |                                                                                       |                                                                                       |
|-------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------|
|  |  |  |  |
| Trắng                                                                               | Xám                                                                                 | Đen                                                                                   | Nâu Pháp                                                                              |
|  |  |  |  |
| Vân gỗ                                                                              | Vân gỗ sần                                                                          | Vân gỗ đỏ                                                                             | Vân gỗ nhạt                                                                           |

## Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                                                                                                                                |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                             |
|----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div>Đứng khung bao</div> <div></div> <div>T = 0.9 mmPT9913</div>           | <div>Ray đơn</div> <div></div> <div>T = 0.9 mmPT9914</div>          | <div>Máng trên</div> <div></div> <div>T = 0.9 mmPT9915</div>             |
| <div>Ngang dưới cánh</div> <div></div> <div>T = 0.9 mmPT9951</div>         | <div>Ngang trên cánh</div> <div></div> <div>T = 0.9 mmPT9954</div> | <div>Máng treo</div> <div></div> <div>T = 2.4mm   W=0.672kg/mT145</div> |
| <div>Máng treo</div> <div></div> <div>T = 1.2mm   W=0.333kg/mPT2008</div> |                                                                                                                                                        |                                                                                                                                                             |



ĐỂ NẠP KÍNH



Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                       |                                                       |                                                        |
|-------------------------------------------------------|-------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------|
| <div>Để gài 5 ly</div> <div></div> <div>PT9841</div>  | <div>Nẹp gài 5 ly</div> <div></div> <div>PT9842</div> | <div>Để gài 10 ly</div> <div></div> <div>DE10</div>    |
| <div>Nẹp gài 10 ly</div> <div></div> <div>NEP10</div> | <div>Để gài 2 mặt</div> <div></div> <div>PT-009</div> | <div>Nẹp gài 2 mặt</div> <div></div> <div>PT-010</div> |

KHUNG BẢO VỆ



Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                                                 |                                                                                |                                                                             |
|---------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------|-----------------------------------------------------------------------------|
| <div>Khung bảo vệ</div> <div></div> <div>T = 1.2mm   W = 0.328kg/m PT-03</div>  | <div>Thanh bo góc</div> <div></div> <div>T = 1.2mm   W = 0.273kg/m PT-04</div> | <div>Thanh hộp</div> <div></div> <div>T = 1.2mm   W = 0.301kg/m PT-02</div> |
| <div>Thanh bầu dục</div> <div></div> <div>T = 1.2mm   W = 0.281kg/m PT-05</div> |                                                                                |                                                                             |



## CÁC HỆ TỬ KỆ U, V



Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

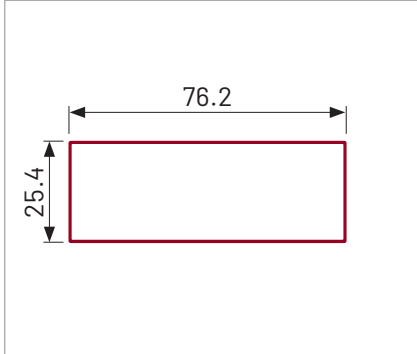
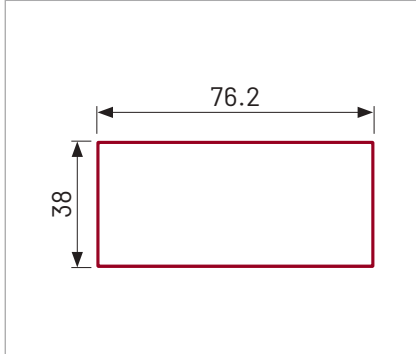
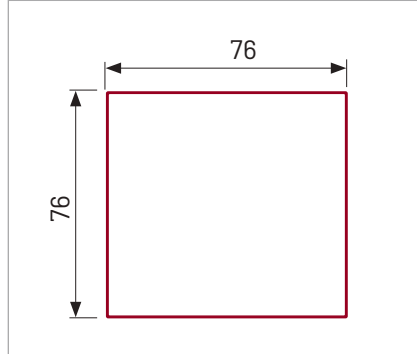
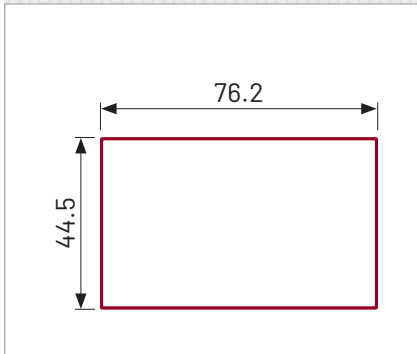
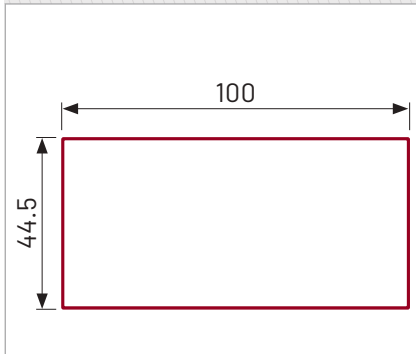
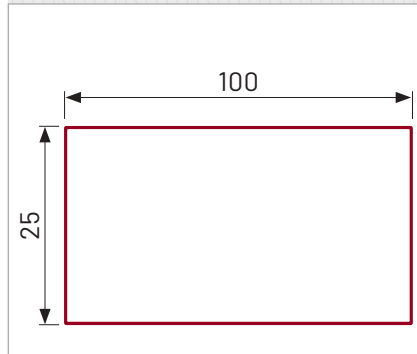
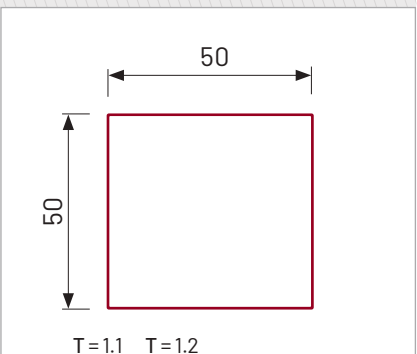
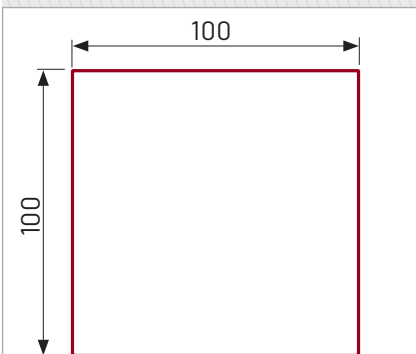
|                                                     |                                                   |                                                      |
|-----------------------------------------------------|---------------------------------------------------|------------------------------------------------------|
| <p><b>Cánh tủ trơn lớn</b></p> <p><b>PT9761</b></p> | <p><b>Cánh tủ gờ lớn</b></p> <p><b>PT9764</b></p> | <p><b>Cánh tủ trơn nhỏ</b></p> <p><b>PT9753A</b></p> |
| <p><b>Cánh tủ gờ nhỏ</b></p> <p><b>PT9754A</b></p>  | <p><b>Bo góc</b></p> <p><b>PT9759</b></p>         | <p><b>U10</b></p> <p><b>PT6001</b></p>               |

Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                |                                              |                                              |
|------------------------------------------------|----------------------------------------------|----------------------------------------------|
| <p><b>U7</b></p> <p><b>PT6001B</b></p>         | <p><b>U12</b></p> <p><b>PT6002</b></p>       | <p><b>V12</b></p> <p><b>PT6201</b></p>       |
| <p><b>V20</b></p> <p><b>PT6202</b></p>         | <p><b>V25</b></p> <p><b>PT6203</b></p>       | <p><b>Phi 16</b></p> <p><b>PT6316</b></p>    |
| <p><b>Hộp 12.8x20</b></p> <p><b>PT6105</b></p> | <p><b>Hộp 12x25</b></p> <p><b>PT6108</b></p> | <p><b>Hộp 25x25</b></p> <p><b>PT6101</b></p> |
| <p><b>Hộp 25.4x38</b></p> <p><b>PT6102</b></p> | <p><b>Hộp 25x50</b></p> <p><b>PT6103</b></p> | <p><b>Hộp 38x38</b></p> <p><b>PT6138</b></p> |



Bảng thông số kỹ thuật mặt cắt

|                                                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                   |                                                                                                                                                  |
|-----------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|---------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|--------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------------|
| <div>Hộp 25.4x76.2</div> <div></div> <div>T = 0.8PT7013</div>                                    | <div>Hộp 38x76</div> <div></div> <div>T = 0.8PT9865</div>        | <div>Đứng khung bao</div> <div></div> <div>T = 1.2PT6107</div> |
| <div>Hộp 44.5x76.2</div> <div></div> <div>T = 0.8PT7004</div>                                   | <div>Hộp 44.5x100</div> <div></div> <div>T = 1.0PT1003</div>    | <div>Hộp 25x100</div> <div></div> <div>T = 1.0PT1025</div>    |
| <div>Hộp 50x50</div> <div></div> <div>T = 1.1<br/>T = 1.2<br/>T = 1.5<br/>T = 3.0PT50.50</div> | <div>Hộp 100x100</div> <div></div> <div>T = 2.0PT100.100</div> |                                                                                                                                                  |





## ĐỐI TÁC & KHÁCH HÀNG

Công ty Nhôm Phú Thành tự hào về sự hợp tác với một loạt các đối tác và khách hàng trên nhiều lĩnh vực. Chúng tôi làm việc chặt chẽ với các nhà thầu xây dựng lớn, các công ty thiết kế và kiến trúc hàng đầu, cùng với các nhà phát triển dự án bất động sản, để cung cấp các giải pháp nhôm chất lượng cho các công trình xây dựng và dự án quy mô lớn.







## DỰ ÁN TIÊU BIỂU

Nhôm Phú Thành mang đến những sản phẩm và dịch vụ tốt nhất, đáp ứng nhu cầu và mong muốn của từng đối tác và khách hàng, đồng thời duy trì mối quan hệ hợp tác lâu dài và bền vững. Các dự án tiêu biểu mà Nhôm Phú Thành tham gia không chỉ là minh chứng cho chất lượng và độ tin cậy của sản phẩm mà còn thể hiện khả năng đáp ứng linh hoạt và sáng tạo trong việc thực hiện các yêu cầu của khách hàng.







CÔNG TRÌNH 1



CÔNG TRÌNH 2



CÔNG TRÌNH 4



CÔNG TRÌNH 3



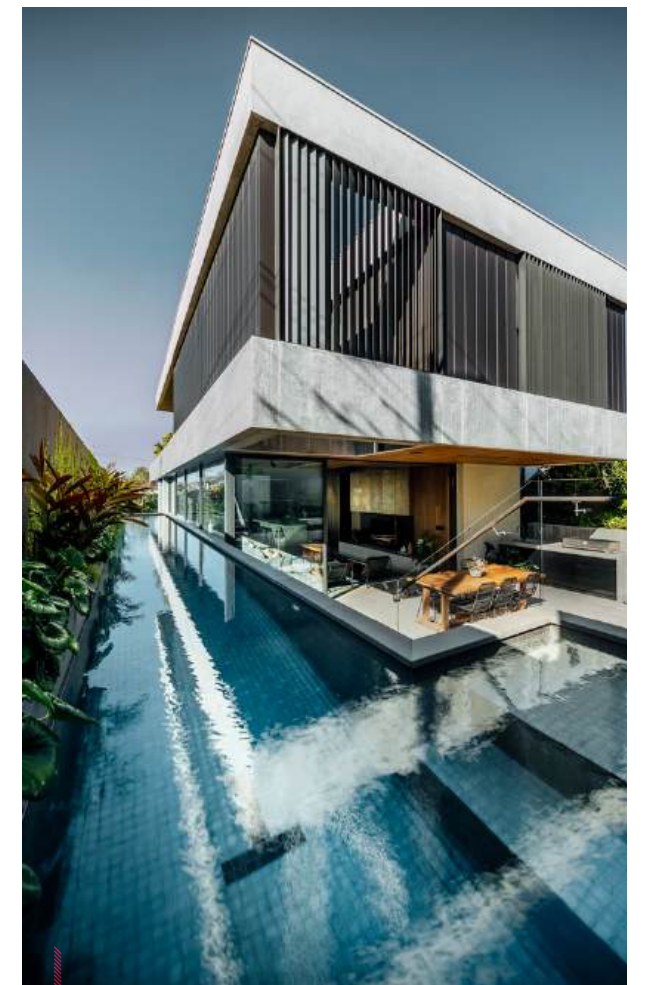
CÔNG TRÌNH 5



CÔNG TRÌNH 6



CÔNG TRÌNH 7



CÔNG TRÌNH 8



CÔNG TRÌNH 9



CÔNG TRÌNH 11



CÔNG TRÌNH 10



CÔNG TRÌNH 12



CÔNG TRÌNH 13

CÔNG TRÌNH 16



CÔNG TRÌNH 14



CÔNG TRÌNH 15







## CÔNG TY TNHH THƯƠNG MẠI - SẢN XUẤT NHÔM PHÚ THÀNH



F12-F13, Đường Số 9, KCN Hải Sơn, Ấp Bình Tiên 2, Xã Đức Hòa Hạ,  
Huyện Đức Hoà, Tỉnh Long An, Việt Nam



(027) 2381 7766



phuthanhaluminium@gmail.com



www.nhomphuthanh.com.vn